

Số: /2022/NQ-HĐND Tuyên Quang, ngày tháng 3 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng
một số loại phí thẩm định trong lĩnh vực môi trường
áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
KHÓA XIX, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật
ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

*Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và Lệ phí;*

*Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của
Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định
của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Căn cứ Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của
Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số
85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn
về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố
trực thuộc Trung ương.*

*Xét Tờ trình số 23/TTr-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban
nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh
Quy định mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số
loại phí thẩm định trong lĩnh vực môi trường áp dụng trên địa bàn tỉnh
Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra số 35/BC-HĐND ngày 12 tháng 3 năm 2022
của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của
đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí: Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường; thẩm định cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh giấy phép môi trường áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Đối tượng áp dụng: Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường; thẩm định cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh giấy phép môi trường.

Điều 2. Mức thu và chế độ thu, nộp phí

1. Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

1.1. Đối tượng nộp phí: Cơ quan, tổ chức và cá nhân khi nộp hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án thuộc thẩm quyền quyết định, phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh.

1.2. Cơ quan tổ chức thu phí: Sở Tài nguyên và Môi trường.

1.3. Mức thu:

TT	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Mức phí đối với các nhóm dự án (triệu đồng)						
		Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3	Nhóm 4	Nhóm 5	Nhóm 6	Nhóm 7
1	Từ 50 trở xuống	5,0	6,9	7,5	7,8	8,1	8,4	5,0
2	Trên 50 đến 100	6,5	8,5	9,5	9,5	10,0	10,5	6,0
3	Trên 100 đến 200	12,0	15,0	17,0	17,0	18,0	19,0	10,8
4	Trên 200 đến 500	14,0	16,0	18,0	18,0	20,0	20,0	12,0
5	Trên 500	17,0	25,0	25,0	24,0	25,0	26,0	15,6

Ghi chú: Các nhóm dự án

+ Nhóm 1. Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường.

+ Nhóm 2. Dự án công trình dân dụng.

+ Nhóm 3. Dự án hạ tầng kỹ thuật (trừ dự án giao thông).

+ Nhóm 4. Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.

+ Nhóm 5. Dự án giao thông.

+ Nhóm 6. Dự án công nghiệp.

+ Nhóm 7. Dự án khác (không thuộc nhóm 1, 2, 3, 4, 5, 6).

- Mức thu phí thẩm định lại báo cáo đánh giá tác động môi trường bằng 50% mức thu phí thẩm định lần đầu tương ứng trong Biểu nêu trên.

- Đối với các dự án thuộc từ 02 nhóm trở lên thì áp dụng mức phí của nhóm có mức thu cao nhất.

2. Phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường

2.1. Đối tượng nộp phí: Cơ quan, tổ chức và cá nhân khi nộp hồ sơ đề nghị thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường của dự án thuộc thẩm quyền quyết định, phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2.2. Cơ quan tổ chức thu phí: Sở Tài nguyên và Môi trường.

2.3. Mức thu:

STT	Tổng vốn đầu tư của dự án (tỷ đồng)	Mức thu (triệu đồng)
1	Dự án có tổng vốn đầu tư từ 50 trở xuống	8,4
2	Dự án có tổng vốn đầu tư từ trên 50 đến 100	10,5
3	Dự án có tổng vốn đầu tư từ trên 100 đến 200	19,0
4	Dự án có tổng vốn đầu tư từ trên 200 đến 500	20,0
5	Dự án có tổng vốn đầu tư trên 500	26,0

3. Phí thẩm định cấp giấy phép môi trường:

3.1. Đối tượng nộp phí: Cơ quan, tổ chức và cá nhân khi nộp hồ sơ đề nghị thẩm định cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh giấy phép môi trường của dự án thuộc thẩm quyền quyết định, phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố.

3.2. Cơ quan tổ chức thu phí:

- Sở Tài nguyên và Môi trường (*thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của Ủy ban nhân dân tỉnh*)

- Ủy ban nhân dân huyện, thành phố (*thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố*).

3.3. Mức thu:

a) Mức thu phí thẩm định cấp, cấp lại giấy phép môi trường:

- Các dự án/cơ sở nhóm II thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của Ủy ban nhân dân tỉnh: 11,3 triệu đồng/giấy phép/dự án/cơ sở.

- Các dự án/cơ sở nhóm III thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của Ủy ban nhân dân tỉnh: 9,2 triệu đồng/giấy phép/dự án/cơ sở.

- Các dự án/cơ sở nhóm III thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố: 6,1 triệu đồng/giấy phép/dự án/cơ sở.

(*Mức phí trên tính theo lần thẩm định cấp/cấp lại giấy phép môi trường và không bao gồm chi phí lấy mẫu, phân tích mẫu chất thải*).

b) Mức thu phí thẩm định cấp điều chỉnh giấy phép môi trường: Bằng 50% mức thu phí thẩm định cấp, cấp lại quy định tại điểm a khoản này.

Điều 3. Quản lý và sử dụng phí

1. Cơ quan, tổ chức thu phí được để lại 80% số thu phí để chi các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và Lệ phí.

2. Cơ quan, tổ chức thu phí nộp 20% số thu phí vào ngân sách Nhà nước theo quy định.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết này.

Điều 5. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XIX, kỳ họp chuyên đề thông qua ngày 14 tháng 3 năm 2022 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 4 năm 2022; bãi bỏ Nghị quyết số 21/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; bãi bỏ khoản 1, khoản 6 mục III, phần A của Quy định mức thu, đối tượng thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng 10 khoản phí và 05 khoản lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang kèm theo Nghị quyết số 10/2017/NQ-HĐND ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ban hành quy định mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh; đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Báo Tuyên Quang, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Công báo Tuyên Quang, Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, (Trg).

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Thị Minh Xuân